TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/DS-PT
Ngày: 16- 02-2022
V/v Tranh chấp bồi thường thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Phước Hưng;
- Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CM, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2021/QĐ-PT ngày 06/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 20/2022/QĐ-PT ngày 19/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trà NY, sinh năm 1978; số điện thoại: 0364 537 551

Nơi cư trú: Ấp LĐ, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trà NY: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1949. Số điện thoại: 0949.xxx.xxx(theo Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2020).

Nơi cư trú: Ấp PT 1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

1.2. Ông Hoa Phong P, sinh năm 1970; số điện thoại: 0349.xxx.xxx.

Nơi cư trú: Ấp LĐ, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Ngọc T4, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Ấp LH 1, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0989.xxx.xxx

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trà Văn X, sinh năm 1948; số điện thoại: 0349.xxx.xxx

Nơi cư trú: Ấp LĐ, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Dương Ngọc T4, là bị đơn.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa. Riêng ông Hoa Phong P có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Hoa Phong P, bà Trà NY trình bày:

Vợ chồng ông, bà có thuê quyền sử dụng đất của ông Dương Ngọc T4 với diện tích 15.600 m2, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thời hạn thuê từ ngày 15/8âl/2018 đến ngày 15/8âl/2019; giá thuê 13.000.000 đồng/năm. Việc cho thuê chỉ nói miệng không lập thành văn bản. Ngày 03/9/2019, ông T4 có xịt thuốc kích thích, xử lý Xoài ra hoa đã làm cho 14 liếp Khổ qua của ông, bà đang thu hoạch bị thiệt hại toàn bộ 100%, với tổng số tiền 30.540.000 đồng bao gồm: Tiền mua giống 8.700.000 đồng, tiền phân bón 5.300.000 đồng, tiền mua thuốc trừ sâu 2.000.000 đồng, tiền mua thuốc trừ cỏ hiệu con cò 1.100.000 đồng, tiền thuê làm cỏ 02 đợt 13.440.000 đồng (chưa tính tiền cây và lưới). Sau khi sự việc xảy ra, ông, bà có trình báo Ban ấp, Công an xã và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện CM để trực tiếp xác minh hiện trường. Đồng thời, ông, bà có chụp hình hiện trường 14 liếp khổ qua đã vàng và chết. Tuy nhiên, biên bản không ghi cụ thể thiệt hại của ông, bà mà chỉ ghi chung chung. Vào thời điểm cùng kỳ năm trước, ông, bà thu hoạch 08 liếp khổ qua này với doanh thu 160.000.000 đồng. Năm 2019, giá bán khổ qua 8.000 đồng/kg nên thiệt hại ước tính 100.000.000 đồng. Vì vậy, ông, bà yêu cầu ông T4 bồi thường thiệt hại với số tiền 130.540.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định không có chứng từ về phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ…nên tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ban đầu, chỉ yêu cầu ông T4 bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Ngọc T4 trình bày: Vào ngày 15/8/2018 âm lịch, ông có cho vợ chồng bà Trà NY làm rẫy, trồng hoa màu vào vườn trồng xoài của ông, sau khi trồng được 02 vụ, đến ngày 16/8/2018 âm lịch, bà NY có báo do xịt xoài đã ảnh hưởng đến khổ qua, nhưng loại thuốc ông xịt xoài là phân bón lá và dưỡng trái không ảnh hưởng đến hoa màu, sự việc khổ qua của bà Y có năng suất thấp là do thời tiết, vụ trồng là vụ 3, đất không còn màu mỡ. Tuy vậy, bà NY vẫn còn thu

hoạch đến hơn 01 tháng sau mới hết cho nên năng suất thấp không phải là do thuốc xịt xoài, mà do thời tiết xấu và đất không còn màu mỡ. Việc ông P, bà Y yêu cầu ông bồi thường thiệt hại với số tiền 130.540.000 đồng, ông không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T4 có ý kiến "đề nghị nguyên đơn không tranh chấp nữa sẽ hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền chi phí là 13.0000.000 đồng". Tại phiên tòa, ông T4 xác định số tiền 13.0000.000 đồng lúc giải quyết vụ án ông có đề nghị hỗ trợ là số tiền cho thuê đất chứ không phải là chi phí; nguyên đơn yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà Văn X trình bày: Ông là cha ruột của bà Trà NY, ông cùng với Trà NY có đầu tư trồng khổ qua trên đất thuê của ông Dương Ngọc T4, thời gian thuê từ ngày 15/8/2018 âm lịch đến ngày 15/8/2019 âm lịch là hết hạn, với giá 13.000.000 đồng trên năm. Vào ngày 13/9/2019, khi chưa hết hạn thuê đất, ông T4 xịt thuốc kích thích trổ hoa xoài của ông T4 làm 14 liếp khổ qua bị vàng, héo, 14 liếp khổ qua đang thu hoạch. Số tiền chi phí đã bỏ ra là 30.540.000 đồng gồm: Tiền mua giống là 8.700.000 đồng; tiền phân bón 5.300.000đồng; tiền thuốc trừ sâu 2.000.000đồng; tiền thuốc trừ cỏ 1.100.000 đồng; tiền thuê làm cỏ 02 đợt là 13.440.000 đồng (chưa tính tiền cây và tiền lưới). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông X xác định con là Trà NY đã khởi kiện nên ông chỉ tham gia là người có liên quan trong vụ án.

Người làm chứng ông Trần Ngọc Chế L trình bày: Ông là người trồng khổ qua ở ấp LĐ, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang, thời gian trồng từ trước đến nay khoảng 20 năm, vụ trúng nhất là khoảng tháng 9, tháng 10 âm lịch hàng năm. Theo kinh nghiệm của ông trồng từ trước đến nay, khổ qua trồng trúng vụ và trúng giá có thế bán được 30.000.000 đồng/công (1 công = 1.000m2), không trúng giá thì bán được khoảng 15.000.000 đồng/công. Về chi phí đầu tư gồm phân bón, thuốc, giống khoảng 3.000.000 đồng/công (làm giàn tính riêng), về thủ tục tố tụng tại Tòa án thì xin ông được vắng mặt.

Người làm chứng ông Huỳnh Văn H3 có lời khai: Ông là người trồng khổ qua ở ấp AK, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang, thời gian trồng từ trước đến nay khoảng mười mấy năm, vụ trúng nhất là khoảng tháng 9, tháng 10 âm lịch trong năm xuống giống. Theo kinh nghiệm của ông trồng từ trước đến nay, khổ qua trồng trúng vụ và trúng giá có thế bán được 30.000.000 đồng/công, không trúng giá thì bán khoảng 15.000.000 đồng/công, về chi phí đầu tư gồm phân bón, thuốc, giống khoảng 5.000.000 đồng/công (làm giàn tính riêng); về thủ tục tố tụng tại Tòa án thì ông xin được vắng mặt.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CM, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 166, 217, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 584, 585, 589 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoa Phong P, bà Trà NY đối với số tiền là 80.540.000đ (tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử như sau:

- Buộc ông Dương Ngọc T4 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Hoa Phong P, bà Trà NY số tiền là 17.068.600đ (mười bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm đồng);

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoa Phong P, bà Trà NY đối với số tiền là 32.931.400đ (ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm đồng);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng,nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày ngày 17 tháng 5 năm 2021, ông Dương Ngọc T4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Dương Ngọc T4 thay đổi một phần nội dung kháng cáo và có ý kiến tự nguyện bồi thường cho bà NY, ông P số tiền 13.000.000 đồng.

Nguyên đơn là bà Trà NY đồng ý chỉ yêu cầu ông T4 bồi thường cho bà và ông P số tiền 13.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48, 285, Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, sự có mặt của thành viên phần hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử và thủ tục phiên tòa.

Ngươi tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Dương Ngọc T4 có nội dung rõ ràng, nộp trong thời hạn luật định và ông T4 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xém xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T4, bà NY đã thỏa thuận đượcc với nhau về giải quyết vụ án nên được công nhận, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội dồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của ông Dương Ngọc T4: Bản án dân sự sơ thẩm được tuyên án ngày 11 tháng 5 năm 2021, khi xét xử có mặt ông T4, đến ngày 17 tháng 5 năm 2021 ông Dương Ngọc T4 kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Xet thấy, đơn kháng cáo của ông T4 nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối với ông Hoa Phong P có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thống nhất với nhau là năm 2018, ông Hoa Phong P, bà Trà NY có thuê đất của ông Dương Ngọc T4 để trồng khổ qua, với giá thuê 13.000.000 đồng/công, thời hạn là 01 năm tính từ ngày 15/8/2018 âm lịch đến ngày 15/8/2019 âm lịch, tổng diện tích đất thuê là 15.600 m2, trên đất đã có các cây xoài do ông T4 trồng và quản lý, nên bà Y, ông P chỉ sử dụng phần đất trống còn lại để trồng khổ hoa với tổng số 14 líp. Tại thời điểm ông T4 xịt thuốc trên cây xoài thì thời hạn của thuê đất giữa ông T4 và ông P, bà NY vẫn còn, ông P, bà NY đang trồng khổ hoa trên đất.

[2.2] Do vậy, trường hợp ông T4 phun xịt thuốc trên cây xoài phải bảo đảm không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thuê đất, nếu loại thuốc loại thuốc mà ông T4 xịt lên cây xoài có gây thiệt hại số khổ hoa do ông P, bà NY đang trồng trên đất thì ông T4 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định.

[2.3] Nguyên đơn bà Trà NY, ông Hoa Phong P khởi kiện cho rằng ông việc ông T4 xịt thuốc trên cây Xoài có có làm thiệt hại đến 14 líp Khổ qua do ông, bà đang canh tác và có yêu cầu ông T4 phải bồi thường thiệt hại với số tiền 130.540.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T4 bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 217 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 80.540.000 đồng là có căn cứ. Đối với nội dung nguyên đơn yêu cầu ông T4 phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, nhưng không được ông T4 thừa nhận, do vậy nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh việc ông T4 xịt thuốc trên cây Xoài có gây thiệt hại đến số Khổ qua của ông bà đang canh tác và số tiền thiệt hại thực tế do ông T4 gây ra.

[2.4] Khi khởi kiện, ông P, bà Y có trình bày việc ông T4 xịt thuốc trên cây Xoài có những người làm cỏ trên đất trồng Khổ qua của ông bà biết như bà Huỳnh Thị M2, bà Trần Thị Bé T6, bà Võ Thị C2. Khoảng 3 ngày sau khi xịt thuốc, ông P, bà Y phát hiện Khổ qua bị vàng lá nên có trình báo chính quyền địa phương xã LK đến lập biên bản.

[2.5] Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Nguyên đơn có cung các các bức ảnh chụp lại hình ảnh các dây Khổ hoa đang bị vàng lá, các nhãn hiệu thuốc mà nguyên đơn cho rằng đây là loại thuốc do bị đơn xử dụng để xịt cho cây Xoài, nhưng các bức ảnh do nguyên đơn tự chụp, không được cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào xác định các bức ảnh này có phải là ảnh các líp khổ qua của ông P, bà Y được chụp đúng vào thời gian sau khi ông T4 xịt thuốc trên Xoài hay không, nên thể căn cứ vào các bức ảnh này để xác định thiệt hại.

Đơn xin xác nhận chữ ký được lập vào ngày 06/02/2020, có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang. Theo nội dung đơn thì các ông ,bà Trà NY, Hoa Phong P, Huỳnh Thị M2, Trần Thị Bé T6, Võ Văn chắc có trình bày: Vào ngày mùng 03 tháng 8 năm 2019 âm lịch, trong lúc làm cỏ, những người này có chứng kiến ông Dương Ngọc T4 xịt Xoài và có nói với ông T4 Khổ qua đang thu hoạch, ông xịt như vậy hư của người ta thì sao, ông T4 nói xịt thuốc dưỡng. Khoảng 3 ngày sau Khổ qua vàng lá đọt trùng lại không phát triển nữa.

Theo biên bản ghi nhận hiện trạng do Ủy ban nhân dân xã LK ngày 09/9/2019 có sự tham gia của cán bộ Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện CM và bà Trà NY thể hiện:

Qua trao đổi và năm thông tin được biết chủ vườn Xoài phun xịt thuốc cho đến thời điểm hiện tại là 20 ngày, chủ ruộng khổ qua thông báo có ảnh hưởng bởi thuốc mà chủ vườn xoài phun xịt. Qua khảo sát thì thấy 02 mô bìa thì cây phát triển tốt hơn so với các mô bên trong, các mô bên trong có lá bị vàng phát triển bị hạn chế (tỷ lệ 1/3 trên tổng diện tích) và qua quan sát thì thấy với những biểu hiện trên dây và lá Khổ qua không rõ nên chưa đủ cơ sở để xác định thiệt hại do thuốc.

Bên cạnh đó tại thời điểm trên các lá khổ qua mềm dẽo, ra đọt, ra chèo, đẻ nhánh có trái non hiện dẫn đang phát triển và nếu chăm sóc bình thường phòng sâu bệnh, cung cấp đủ dinh dưỡng thì cây vẫn phát triển và sẽ cho trái, cho năng suất ở giai đoạn tiếp theo.

Diện tích khổ qua hiện nay theo hiện trạng cây tiếp tục thiếu dinh dưỡng, sinh trưởng chậm, đọt ốm, hiện tại dây khổ qua lá vàng và đang có chiều hướng xuống.

[2.6] Căn cứ trên kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá ngày 19/5/2020 của Tòa án, xác định ông P, bà Y có trồng 14 liếp khổ qua trên diện tích đất 5.506 m2 vườn xoài của ông T4, hiện tại chỉ còn cây tràm và lưới làm giàn. Phần định giá gồm: Từ khi gieo hạt đến khi thu hoạch xong là

24.500.000đồng/công; chi phí đầu tư đến khi thu hoạch là 6.500.000 đồng/công; giá trị đầu tư đến ngày thiệt hại là 3.100.000 đồng/công, bao gồm giống, thuốc, phân bón.

[2.7] Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ vừa nêu trên và ý kiến trình bày của các đương sự các tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Việc ông T4 xịt thuốc trên cây Xoài là có ảnh hưởng một phần đến năng suất thu hoạch Khổ qua của ông P, bà Y. Tuy nhiên, việc ông P, bà Y cho rằng bà bị thiệt hại toàn bộ 14 líp khổ qua là không cơ sở.

Theo biên bản ghi nhận hiện trạng do Ủy ban nhân dân xã LK lập ngày 09/9/2019 thì chỉ ghi chung chung là khô qua có bị vàng lá tỷ lệ 1/3 diện tích, không đủ cơ sở xác định thiệt hại do ông T4 xịt trên cây Xoài. Như vậy, nếu có thiệt hại thì chỉ thiệt hại đối với 1/3 diện tích trồng khổ hoa của ông P, bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y xác nhận mặc dù Khổ qua có bị thiệt hại, nhưng bà thu thu hoạch được khoảng 70 kg đến 80 kg, bán được 8.000.000 đồng.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt 17 líp Khổ qua bị hại toàn bộ có diện tích 5,506 m2 và buộc ông T4 bồi thường chi phí đầu tư gồm giống, thuốc, phân bón tương đương với diện tích đất thuê canh tác, cụ thể 3.100.000đ ồng x 5.506m2 = 17.068.600 đồng là không đúng quy định.

Lẽ ra trong trường hợp này chỉ buộc ông T4 bồi thường chi phí đầu tư từ khi gieo trồng đến thời điểm bị thiệt hại tương ứng với 1/3 diện tích đất trồng khổ qua bị thiệt hại, cụ thể số tiền là: 17.068.000đ x 2/3 = 11.378.666đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T4 tự nguyện bồi thường cho ông P, bà Y số tiền 13 triệu đồng, được bà Y chấp nhận. Xét việc thỏa thuận này là có lợi cho ông P, bà Y, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào sự thỏa thuận này buộc ông T4 có nghĩa vụ bồi thường cho ông P, bà NY số tiền 13.000.000 đồng.

[2.3] Do sửa án về nội dung nên số tiền ông T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông phải trả cho nguyên đơn là 13.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Ngọc T4, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CM.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T4 được chấp nhận một phần, nên ông T4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Ngọc T4.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang. Cụ thể:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoa Phong P, bà Trà NY đối với số tiền là 80.540.000đ (tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử như sau:

- Buộc ông Dương Ngọc T4 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Hoa Phong P, bà Trà NY số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng);

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoa Phong P, bà Trà NY đối với số tiền là 32.931.400đ (ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm đồng);

3. Về chi phí tố tụng: Ông Dương Ngọc T4 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trà NY, ông Hoa Phong P chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá 1.000.000đ (một triệu đồng), chi phí đo đạc 2.327.600đ (hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng);

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Ngọc T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Bà Trà NY, ông Hoa Phong P phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 1.646.500đ (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.513.500đ (ba triệu năm trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0007759 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Trà NY, ông Hoa Phong P được nhận lại số tiền 1.867.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Ngọc T4 không phải chịu án phí phúc thẩm, ông T4 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số TU/2019/ 0002747 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CM;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Sơn